TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/3/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh.
Ông Nguyễn Văn Chiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày18/3/2020tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số01/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2020 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2020,giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 10/4/1991.

CMND số 101157643 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 11/4/2009;

Hộ chiếu số: B4742893 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 15/12/2010

Địa chỉ: Thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Địa chỉ: 1*, Jingo Ksandan 5 beon-ro, Gwangsan-gu, Gwangju, Republic of Korea.

Xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị H: ông Hà Văn C, sinh năm: 1960. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Không triệu tập đến phiên tòa)

* Bị đơn:Anh Hà Văn T, sinh ngày 30/4/1989.

CMND số 121839297 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/12/2010.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:Tôi kết hôn với anh Hà Văn T trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện. Chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gianthì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thay đổi tính nết, không tôn trọng tôi như trước, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên tôi tiếp tục sang Hàn Quốc lao động. Vợ chồng sống ly thân và rất ít khi liên lạc với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hà Văn T.

- Về con chung: Tôi và anh Hà Văn T không có con chung do vậy tôi không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ: Chúng tôi không có do vậy tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị H trình bày: Do công việc bận không thu xếp về Việt Nam được nên tôi đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án. Tôi đã làm văn bản ủy quyền cho ông Hà Văn C (sinh năm: 1960, địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang) thay tôi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho tôi được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

* Bị đơn là anh Hà Văn T trình bày: Tôi đã nhận được đơn khởi kiện và thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H. Tôi xin trình bày quan điểm như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi kết hôn với chị Hoàng Thị H ngày 09/3/2017 trên

cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc khoảng 2 tháng tại nhà bố mẹ tôi thì chị H đi lao động ở Hàn Quốc. Khi mới sang thì chị H thỉnh thoảng có liên lạc về hỏi thăm. Đến đầu năm 2018 thì chúng tôi nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhândo tính cách không hòa hợp nhau, lại sống xa cách, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau từ tháng 3/2019, tháng 6/2019 thì cắt đứt liên lạc. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Hxin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Chúng tôikhông có con chung do vậy tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Chúng tôi không có do vậy tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Hà Văn T trình bày: Do không sắp xếp được công việc riêng và hiện đang đi làm ăn xa nên đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa do vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 21- Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Hoàng Thị H là công dân có địa chỉ cư trú tại Thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh,Việt Nam nhưng chị H đang lao động tại Hàn Quốc. (Địa chỉ: 1*, Jingo Ksandan 5 beon-ro, Gwangsan-gu, Gwangju, Republic of Korea). Hiện chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn T đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn có đương sự là người Việt Nam ở nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1,

Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng giao cho các đương sự được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T đã có lời khai trình bày về việc ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; điểm a, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T.

[3]. Về quan hệ vợ chồng:

[3.1]. Chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Tòa án xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ khi chị H đi sang Hàn Quốc lao động. Từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc, không có sự quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh Hà Văn T cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

[4]. Về con chung: chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T đều xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Thị H và anh Hà Văn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về án phí sơ thẩm: chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000536 ngày 02/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Hà Văn T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9-

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng